

VÀI KHÍA CẠNH XUNG QUANH TỤC THỜ CÚNG TỔ TIÊN Ở NGƯỜI VIỆT

CAO THẾ TRÌNH

Trong số các hình thức tôn giáo, tín ngưỡng có mặt trong đời sống tâm linh của người Việt, nổi trội hơn cả vẫn là tục thờ cúng tổ tiên hay còn gọi là “đạo thờ Ông Bà”- loại hình tín ngưỡng có số lượng “tín đồ” đông đảo nhất, thậm chí có thể xem như là một thứ “tôn giáo toàn dân” ở Việt tộc.

Có thể vì mức độ phổ biến quá rộng rãi trên đây nên loại hình tín ngưỡng này chưa dành được sự quan tâm nhiều của giới nghiên cứu. Trong các công trình giới thiệu về người Việt nói chung, về các hình thức tôn giáo tín ngưỡng ở họ nói riêng, các nhà khoa học hầu như chỉ tập trung sự chú ý tới các loại hình tôn giáo như Phật giáo, Ki tô, Cao Đài, Hoà Hảo..., còn đối với tục thờ cúng ông bà- cho mãi gần đây mới bắt đầu quan tâm nhất định⁽¹⁾. Tuy nhiên, trong phạm vi hiểu biết của chúng tôi, những nghiên cứu đó vẫn còn nhiều điều chưa thật thoả đáng, nếu không muốn nói là còn nhiều điều chưa thật chính xác. Về phần mình, trong quá trình quan sát cũng như trực tiếp tham gia vào các nghi lễ thờ cúng tổ tiên ở một số vùng người Việt, chúng tôi thấy xung quanh hình thái thờ phụng này có rất nhiều vấn đề cần trao đổi. Tỷ như: Bản chất của tục thờ cúng tổ tiên là gì? Tục thờ cúng tổ tiên ở người Việt có phải là một hiện tượng “thuần nhất” và “thuần Việt” hay không hay đây là một hình thái tín ngưỡng tổng hợp, một yếu tố văn hoá ngoại lai được du nhập vào đời sống tinh thần Việt tộc? Dưới đây, chúng tôi muốn đưa ra một vài suy nghĩ bước đầu của mình xung quanh những vấn đề đó.

1. Trước hết, cần xác định nội hàm của khái niệm “thờ phụng tổ tiên”. Khác với các loại hình tôn giáo tín ngưỡng lớn như Ki tô, Phật, Lão, Hồi..., với các hệ thống giáo lý, giáo quy, giáo quyền... quy củ; “đạo thờ ông bà” tồn tại “trôi nổi” trong dân gian với muôn vàn biểu hiện phong phú, đa dạng; hầu như mỗi nơi mỗi khác, mỗi vùng biểu hiện mỗi kiểu, chưa bao giờ có một “quy chuẩn” thống nhất, nên muốn xác định bản chất của nó là một việc hoàn toàn không đơn giản. Do vậy để có thể đưa ra một định nghĩa cho khái niệm nêu trên, chúng tôi bắt đầu từ việc xác định đối tượng của hình thái thờ phụng này, hay nói đơn giản hơn- thờ phụng tổ tiên ở người Việt cụ thể là thờ những ai?

1.1. Thoạt nghe, vấn đề tưởng chừng đơn giản; song đi vào tìm hiểu khái niệm này, mới thấy sự tình không hẳn là như vậy. Trong phạm vi hiểu biết của chúng tôi, mặc dù khái niệm “thờ cúng tổ tiên” có mặt khá phổ biến trong các ấn phẩm Dân tộc học, thế nhưng cho đến gần đây, vẫn chưa có một nhà nghiên cứu Việt Nam nào định nghĩa nó một cách chặt chẽ với tư cách là một thuật ngữ khoa học và có sự thuyết phục. Xung quanh vấn đề này, có thể xem quan niệm của GS. Đặng Nghiêm Vạn- nhà khoa học đầu tiên dành một sự quan tâm đặc biệt tới “đạo thờ cúng tổ tiên ở người Việt” như là một định nghĩa. Theo giáo sư “đạo thờ cúng tổ tiên” được hiểu theo nghĩa rộng, không chỉ thờ những người có công sinh dưỡng đã khuất nghĩa là những người có cùng huyết thống, mà thờ cả những người có công với làng xã đất nước⁽²⁾. Rõ ràng, trong quan niệm của ông về đối tượng thờ cúng trong “đạo” này theo chúng tôi là quá “thoảng”; bởi theo đó, trong danh mục “tổ tiên” có cả các vị “Thành Hoàng”- một phạm trù mà trong tiềm thức của người Việt không ai xem đó là tổ tiên của họ cả, mà là thờ thần, cho nên gọi là “thờ

Thần Hoàng”. Đi xa hơn PTS. Nguyễn Hồng Dương còn kết nạp luôn vào danh mục tổ tiên của người Việt các vị “tổ nghề xúc hến” và cả “cá Ông”(1)⁽³⁾. Ở đây, chúng tôi thiết nghĩ, cũng cần phải lưu ý tới quan điểm của các nhà nghiên cứu ngoài nước, mà tiêu biểu là quan điểm của Viện sỹ X.A. Tokarev. Theo chúng tôi, nhà nghiên cứu tôn giáo Xô Viết nổi tiếng này đã có lý khi ông phân biệt khá rành rọt hai hình thái thờ phụng có liên quan đến khái niệm mà chúng ta đang bàn: *tục thờ người chết* (culte des morts)- một hiện tượng tồn tại phổ biến ở nhiều tộc người trên thế giới và *tục thờ tổ tiên* (culte des ancêtres)- một hiện tượng chỉ có ở một số tộc người nhất định và gắn liền với một giai đoạn lịch sử nhất định trong tiến trình phát triển của nhân loại- giai đoạn tan rã của chế độ công xã thị tộc⁽⁴⁾. Khảo sát tục thờ cúng tổ tiên ở người Việt, có thể dễ dàng nhận ra ít nhất cũng là sự đan xen của cả hai hình thức thờ phụng trên đây.

1.2. Khi bước vào một gia đình Việt có người thân vừa quá cố, điều đầu tiên đập vào mắt người quan sát là một bàn thờ riêng, độc lập với bàn thờ những người quá cố trước đó. Thời gian tồn tại của bàn thờ riêng biệt này là 27 tháng (2 năm 3 tháng), có nghĩa là cũng trùng với thời kỳ tang khó của khổ chủ. Hết thời hạn đó, thân nhân người quá cố tiến hành nghi lễ “đoạn tang”, hoá (đốt) hết những gì liên quan đến “tang trở” (khăn, mũ rơm, gậy chống...) và “cáo” với tiên tổ; sau đó mới đem bát hương và linh vị (về sau này thường là chân dung của người mất) nhập vào bàn thờ chung của gia đình. Từ thời điểm đó, “địa vị” của người mới chết được chuyển sang một “ngạch bậc” mới- họ được liệt vào “danh sách” của những vị *gia tiên*.

Như vậy, rõ ràng là những người mới chết không thuộc phạm trù “thờ cúng tổ tiên” nói chung. Ngoài sự tồn tại độc lập của một bàn thờ riêng trên đây, những lễ thức thờ phụng họ trong giai đoạn này cũng có những điểm khác biệt. Trong 49 ngày đầu- kể từ hôm “ra đi” của người quá cố, hàng ngày, tới bữa ăn thân nhân của người chết vẫn mang một khẩu phần ăn lên bàn thờ người đó. Khẩu ngữ bình dân Việt gọi là tục “cúng cơm bữa” (cũng có nơi, tục lệ này còn kéo dài cho tới lễ *tối khóc*, tức 100 ngày- kể từ ngày mất của người quá cố). Ngoài ra, trong không ít trường hợp, đối tượng thờ cúng chẳng liên quan gì đến tổ tiên, chẳng hạn cha thờ con (nếu con chết sớm hơn cha) hay anh em thờ cúng lẫn nhau (nếu anh hoặc em chết lúc chưa có vợ con) và ngoài ra là không ít các trường hợp “tảo sinh, tảo lạc” khác. Trong những trường hợp như vậy, hiển nhiên không thể xem *con* lại là “tổ tiên” của cha mẹ hay *anh/em* là “tổ tiên” của nhau và không hiếm các trường hợp không có hậu duệ nối dõi khác nữa.

1.3. Bên cạnh tục thờ người chết trên đây, hình thái thờ phụng phổ biến nhất trong các gia đình Việt chính là *tục thờ cúng gia tiên*- tức việc thờ cúng vài ba hay bốn/ năm thế hệ gần gũi so với thân chủ (thụy hiệu là *cao, tăng, tổ, khảo* tức *cố ông- cố bà, ông- bà, cha- mẹ*, hay có khi còn gọi là ông *tam/ tứ/ngũ* đại). Việc thờ cúng này được diễn ra theo dịp kỷ niệm chu niên ngày mất của các đối tượng vừa nêu (được gọi là ngày *giỗ*, hay ngày *kỵ*) và tiến hành tại nhà của con trai trưởng (trưởng nam) hay cháu/ chất đích tôn của người quá cố. Chủ trì việc cúng tế là các đối tượng nói trên cùng với sự tham gia của tất cả *tử, tôn, hôn, tế...*, cũng như bà con trong quyến thuộc, hàng xóm, láng giềng, bạn hữu...(nội ngoại thượng hạ đẳng).

1.4. Việc thờ cúng gia tiên chỉ dừng lại ở 5 thế hệ người chết so với thân chủ (*ngũ đại mai thân chủ*)⁽⁵⁾, những người đã mất thuộc các thế hệ cao hơn so với các đối tượng thuộc phạm trù “gia tiên” (từ lục đại trở lên) được diễn ra tại nhà thờ họ (từ đường) hoặc tại nhà trưởng tộc (trường hợp đồng họ chưa có từ đường chuyên biệt). Chúng tôi tạm gọi đây là hình thức *thờ tổ*

tộc. Việc thờ cúng tổ tộc (được gọi là giỗ tổ hay việc họ) không nhất thiết phải diễn ra và dịp kỷ niệm chu niên ngày mất của bất cứ ai trong số những người đồng tộc đã quá cố, mà thường là mỗi năm 2 lần vào các dịp rằm tháng Giêng, tháng Bảy (*xuân thu nhị kỳ*). Nghi thức cúng tế trong các kỳ giỗ tổ thường trọng thể hơn: bên cạnh vai trò *chủ tế* của tộc trưởng còn có các *bồi tế, đông xướng, tây xướng, độc chúc*... và sự phối khí của chiêng, trống... Về cơ bản, đây chính là giỗ của ông tổ đầu dòng họ (Thủy tổ), còn các thế hệ người chết thuộc hàng con cháu ông là được *phối tế*. Trong bài văn tế đọc trong dịp giỗ Tổ, thường người ta chỉ mời (*cung thỉnh*) đích danh một số vị thuộc các thế hệ đầu tiên của dòng họ (*Thủy tổ/đệ nhị đệ tam/thế tổ*), còn các thế hệ quá cố sau đó, chỉ được mời bằng một chung "*cập bản tộc bá/thúc, huynh/đệ, cô/gi, tỷ/muội, tảo sinh-tảo lạc đồng lai hâm hưởng*". Trong bài văn tế tổ, phu nhân của các vị quá cố cũng không được nêu đích danh, mà chỉ được mời kèm theo chồng (phu quân) của họ (*cập tỷ bà*).

1.5. Ngoài "3 lớp" chúng tôi vừa nêu, cũng cần kể thêm một lớp thứ tư trong tục thờ cúng tổ tiên của người Việt- thờ *Quốc tổ Hùng Vương* được tiến hành vào ngày 10 tháng Ba hàng năm theo âm lịch (*Dù ai buôn bán ngược xuôi; nhớ ngày giỗ tổ mùng Mười tháng Ba*)⁽⁶⁾. Lễ hội này được tổ chức ở nhiều địa phương trong cả nước, song trọng thể nhất là tại khu vực đền Hùng (Phú Thọ).

Như vậy, theo chúng tôi, có thể "bóc" ra từ tục thờ cúng tổ tiên ở người Việt thành 4 lớp- *tục thờ người chết nói chung, thờ gia tiên, thờ tổ tộc và thờ Quốc tổ*. Sở dĩ có sự "nhập cục" các hình thái thờ phụng trên đây là do cả 4 hình thức này ở người Việt còn có chung một cơ sở triết lý như nhau- quan niệm về hồn- xác, chết là do hồn lìa khỏi xác cũng như sự bất tử của linh hồn. Mặt khác, ngoại trừ hiện tượng thờ Quốc tổ Hùng Vương, giữa các "lớp" trên đây cũng có sự liên quan mật thiết với nhau- theo thời gian, đối tượng thờ cúng chuyển dần từ "người chết" → "gia tiên" → "tổ tiên".

2. Từ những phân tích trên, có thể cho rằng hiện tượng thờ cúng tổ tiên ở người Việt không phải là một hình thức tín ngưỡng "thuần nhất", "đơn nguyên" mà là một hình thái tín ngưỡng mang tính "đa nguyên", "tổng hợp".

2.1. Tính tổng hợp này thể hiện ngay trong một kỳ giỗ. Ngoài việc thờ phụng cá nhân của một người thân đã khuất, người ta còn "thỉnh" thêm những thân nhân quá cố khác trong gia đình, kể cả những người chết trẻ, thậm chí là trẻ sơ sinh ("*cập bản gia bá/thúc, huynh/đệ, cô/gi, tỷ/muội, tảo sinh- tảo lạc đồng lai hâm hưởng*").

2.2 Tính "tổng hợp" của hiện tượng thờ phụng trên đây còn thể hiện ở sự kết hợp, đan xen giữa việc thờ cúng các thế hệ người thân trong gia đình đã khuất với việc *thờ gia thần* như thờ ông Bếp (*Đông trù tư mệnh, Táo phủ thần quân*) và thờ Thổ công/ Thổ địa và Bản gia ngũ tự Phúc thần" (Trong bài văn cúng bao giờ cũng có đoạn "*cung thỉnh bản gia ngũ tự Phúc thần, Đông trù tư mệnh Táo phủ thần quân đồng lai chiêu giám*").

2.3. Tính tổng hợp trong tục thờ cúng tổ tiên ở người Việt cũng còn thể hiện sự đan xen giữa sắc thái tín ngưỡng- niềm tin về "âm phủ"- sự phò trợ của những người đã khuất đối với những người đang sống, với *đạo lý "uống nước nhớ nguồn"*- thái độ tri ân đối với công lao sinh thành, dưỡng dục của các bậc tiền nhân. Ở đây, chúng tôi, cần phân biệt 2 phạm trù *giáo lý* (những tín điều tôn giáo- tín ngưỡng và bao giờ cũng gắn với những hình thức thờ phụng) và *đạo*

lý (những lễ phải ở đời, không nhất thiết phải gắn với những hình thức thờ phụng). Chính khía cạnh đạo lý của tục thờ cúng tổ tiên là lý do giải thích tại sao cho đến hiện nay nhiều người Việt không xem hình thái tín ngưỡng này là tôn giáo, là “đạo”, mà chỉ xem đó như là một phong tục, một lễ tự nhiên, thậm chí đối lập nó với tôn giáo. Trong những bản khai lý lịch, ở mục tôn giáo, những người Việt không theo các tôn giáo lớn như Phật, Ki tô giáo... họ đều ghi là “*luong*” (*luong thiện*- đối lập với phi *luong thiện*) và gần đây phổ biến ghi là “không” (không theo một tôn giáo nào), mặc dù họ đều thờ cúng tổ tiên.. Đó cũng chính là lý do tuyệt đại đa số viên ở Việt Nam đều tiến hành, tham gia rất tích cực các hoạt động thờ cúng tổ tiên. Và phương diện đạo lý của hình thái thờ phụng này cũng cất nghĩa tính phổ cập tính rộng rãi của loại hình tín ngưỡng này trong cộng đồng người Việt, đâu rằng trong số họ, không ít người đã theo những tôn giáo khác như Phật giáo hay Ki tô giáo⁽⁷⁾. Và điều này cũng góp phần cất nghĩa cho hiện tượng một bộ phận đông đảo kiều bào ta ở nước ngoài đầu sinh hoạt và làm việc trong những đô thị văn minh nhất nhì thế giới, song ở chỗ trang trọng nhất trong nhà/ căn hộ của họ thường bao giờ cũng có bàn thờ tổ tiên, và dù bận rộn mưu sinh tới đâu, song hầu như không bao giờ bỏ qua những ngày giỗ kỵ, những người thân trong gia đình đã khuất.

Nếu chi lý, đạo lý hiếu kính tổ tiên ở người Việt còn thể hiện ngay cả khi ông bà, cha mẹ còn sống- *sống tét, chết lễ*. Đạo lý này còn giải thích tục *sinh vãn*- tế sống những người sắp chết và xem đó như là một vinh dự đặc biệt của một người sắp sửa vào cõi vĩnh hằng; và không phải ngẫu nhiên mà ở nhiều gia đình Việt, bức hoành phi ở bàn thờ tổ tiên lại có 3 chữ Hán- *kính như tại* (cung kính như lúc ông bà/cha mẹ còn sống).

2.4. Đến lượt mình điều vừa nêu ở phần cuối mục 2.3, lại tiếp tục là sáng tỏ thêm một nét độc đáo trong tính tổng hợp ở tục thờ cúng tổ tiên của Việt tộc- dung hợp, “pha trộn” giữa nó với các tôn giáo ngoại sinh. Hiện tượng tam giáo đồng nguyên trong đời sống tâm linh của người Việt đã được nhìn nhận, song chỉ ở mức độ sự tồn tại song hành của các tôn giáo đó trong xã hội Việt mà không gây nên những va chạm, xung đột nghiêm trọng. Điều đáng chú ý lại là sự dung hợp của những tôn giáo, tín ngưỡng đó *ngay trên một bàn thờ* của không ít gia đình Việt- hiện tượng *tiền Phật, hậu tổ* (phía trước thờ Phật, phía sau thờ Tổ tiên). Một số tôn giáo nội sinh ra đời trong những thập niên đầu thế kỷ cũng đi theo xu hướng dung hợp giữa đạo thờ cúng tổ tiên với thờ Phật mà Phật giáo, Hoà Hảo là một dân dụ điển hình. Thiết nghĩ, Phật tử Sakyamuni đã nêu “*một tấm gương sáng*” về sự hoà đồng, “cận dân”.

3. Và cuối cùng không thể không nói tới ở đây một đặc điểm khác của phong tục thờ cúng tổ tiên- vấn đề xác định nguồn gốc của hình thái thờ phụng này. Liệu hiện tượng thờ cúng mà chúng tôi đang xem xét có phải là “đạo nhà” của người Việt hay không hoặc đây là một hiện tượng thuộc văn hoá Hán được du nhập vào đời sống tinh thần Việt tộc? Kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy, hình thái thờ phụng này là một kết quả của sự giao thoa giữa văn hoá Việt và văn hoá Hán.

3.1. Trước hết cần phải khẳng định thực thờ cúng tổ tiên với nhiều biểu hiện khác nhau đã từng có mặt trong văn hoá truyền thống ở nhiều tộc người trong khi vực Đông Nam Á từ trước khi có sự xâm nhập của văn hoá Hán; song, ở người Hán, hình thái thờ phụng này được “đồ đậm” thêm bởi nhiều thế kỷ ngự trị của những quan điểm nho giáo mà nổi lên là quan niệm về hiếu đê- những chuẩn mực cơ bản của học thuyết này.

3.2. Chúng tôi cho rằng, không thể xem hiện tượng thờ cúng tổ tiên là "đạo nhà" của người Việt, bởi ở người Mường- một tộc người vốn chung cội nguồn với người Việt và mới tách ra thành một tộc người độc lập vào khoảng thế kỷ X, trong nhà không có bàn thờ tổ tiên như ở người Việt⁽⁸⁾. Bên cạnh đó, bản thân các bài văn cúng đọc trong các dịp cúng tế cũng đã nói lên điều đó: Chúng được viết bằng chữ Hán (hoặc phiên âm ra chữ quốc ngữ) với cách diễn đạt và những chuẩn mực của văn hoá Hán như hệ thống thụy hiệu của người quá cố (*cao tăng tổ khảo, tăng tổ khảo/tổ tỷ; hiển tổ khảo/tổ tỷ...*) thậm chí cho đến tên gọi cúng phẩm (*phù lưu, thanh chước, hương dăng, dăng vật, sinh tư, kê thư, thứ phẩm chi nghi...*). Rõ ràng, những người bình dân Việt không có một sự hiểu biết nhất định về Hán văn hầu như không hiểu nội dung của chúng. Có không ít trường hợp người ta đọc đi đọc lại những bài phiên âm văn tế từ Hán ngữ và dần tới những nhầm lẫn không nhỏ, trở thành đề tài vui vẻ trong kho tàng chuyện cười dân gian Việt⁽⁹⁾. Hơn thế nữa, tên gọi các dòng họ trong "lớp" thờ tổ tộc cũng đã bộc lộ rất rõ tính chất vay mượn của hiện tượng này ở người Việt. Theo các nhà dân tộc học như P. Gourou, Nguyễn Từ Chi, trong khoảng hơn 300 tên gọi dòng họ thống kê được ở người Việt hiện nay, không có dòng họ nào lại không trùng với tên gọi dòng họ ở người Hán (trừ một ngoại lệ- họ *Lê*- nguyên là họ *Mạc* vì tránh sự truy lùng của tập đoàn Lê- Trịnh phải cải tính⁽¹⁰⁾).

3.3. Tuy vậy, cũng không thể xem hình thái thờ phụng trên đây là một hiện tượng văn hoá thuần Hán. Cũng từ các bài văn cúng trong các kỳ cúng tế, chúng tôi phát hiện ra sự "lùng củng" trong cách diễn đạt. Ngoài những tên người không thể viết bằng chữ Hán nên phải diễn đạt bằng "tên nôm", còn có một loại văn cúng khác được gọi là *khấn nôm* mà nội dung của nó hầu như không có gì là khó hiểu đối với mọi người Việt (*Hôm nay là ngày giỗ của...; chúng con/cháu là...; có chút lễ bạc gồm...; xin mời ông/bà/chalme...thượng hưởng...*) Rõ ràng, những biểu hiện này đã chứng tỏ người Việt cũng đã ít nhiều bản địa hoá một yếu tố tiếp thu từ văn hoá Hán.

Như đã trình bày ở trên, dẫu chưa phải là đầy đủ, chúng tôi cũng đã cố gắng nêu lên một vài đặc điểm trong tục thờ cúng tổ tiên ở người Việt. Chúng tôi hy vọng những nhận thức này sẽ góp một phần nhỏ vào việc soi sáng một loại hình tín ngưỡng có mức độ phổ cập nhất ở Việt tộc, cũng như từ đó góp thêm một cứ liệu cho việc duy trì và phát huy những nét tốt đẹp của văn hoá truyền thống trong cuộc sống mới hôm nay theo định hướng mà Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã chỉ rõ- *xây dựng một nền văn hoá Việt nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc*.

Để tiện hình dung diện mạo của tục thờ cúng tổ tiên ở người Việt, chúng tôi đưa ra sơ đồ sau:

HÌNH THÁI THỜ PHỤNG	ĐỐI TƯỢNG THỜ PHỤNG	THỜI GIAN THỜ PHỤNG	THỜ GIA THÂN (THỔ CÔNG, THỔ ĐỊA, TÁO QUÂN,...), THỜ PHẬT
1. Thờ người chết	Người mới chết chưa mãn tang	27 tháng	
2. Thờ gia tiên	Từ 3-5 thế hệ người chết gần nhất đã mãn tang (cao, tăng, tổ, khảo)	Kỷ niệm chu niên ngày mất/giỗ, kỵ.	
3. Thờ tộc tổ	Tất cả những người chết đã mãn tang trong dòng họ	Xuân-thu nhị kỳ (rằm tháng giêng, bảy/tám âm lịch)	
4. Thờ Quốc tổ Việt Nam	Các vua Hùng	10 tháng ba âm lịch hàng năm	

Chú thích:

1. Xem: Đặng Nghiêm Vạn. *Đạo thờ cúng tổ tiên/Về tôn giáo tín ngưỡng Việt Nam hiện nay*, H., 1996, tr.311-350; Phạm Quỳnh Phương. *Thờ cúng tổ tiên- tín ngưỡng và đạo lý dân tộc*, Văn hoá, 1999, tr.33-37.
2. Xem: Đặng Nghiêm Vạn. *Tài liệu dã dẫn*, tr 315.
3. Xem; Nguyễn Hồng Dương. *Bước đường hội nhập văn hoá dân tộc của công giáo Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo, số 1/1999, tr 54-60.
4. Xem Tokarev X.A. *Những hình thái tôn giáo sơ khai*, Maxcova, 1990, tr 225-226 (chữ Nga). Từ quan niệm này chúng tôi cho rằng- ở người Chăm và các tộc Thượng Trường Sơn- Tây Nguyên không có tục thờ cúng tổ tiên, mà chỉ là tục thờ cúng người chết (culte des morts) mà thôi.
5. Xem: Phan Kế Bính. *Việt Nam phong tục*, Thành phố Hồ Chí Minh (tái bản), 1995, tr19.
6. Theo lô-gích của chúng tôi, *tổ tiên* trong quan niệm của người Việt là *tổ tiên đích thực* trong mối quan hệ huyết thống với hậu duệ của họ (khác với tổ tiên huyền thoại trong tín ngưỡng tổ tem). Vậy, trường hợp thờ Hùng Vương (không mang tính phổ biến như thờ tổ tiên, nhiều nơi không thờ) cũng là thờ những nhân vật huyền thoại, cần phải giải thích như thế nào? Chúng tôi cho rằng, kết luận của các vua Hùng là những nhân vật huyền thoại là kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trong những thập kỷ gần đây, còn trong quan niệm của dân gian suốt nhiều thế kỷ, các vua Hùng là những *Ông tổ đích thực*.
7. Nhận thức được tính chất đại chúng của loại hình tín ngưỡng dân gian này ở Việt Nam, từ 1968, toà thánh Va- ti- căng cũng cho phép các giáo dân người Việt được tiến hành việc thờ cúng tổ tiên (Xem: Toan Ánh. *Thờ cúng tổ tiên*, Thành phố Hồ Chí Minh, 1990, tr.3).
8. Xem: Trần Quốc Vượng. *Nho giáo và văn hoá Việt nam/ Nho giáo xưa và nay* (Vũ Khiêu chủ biên), H., 1990, tr. 163-174.
9. Chuyện kể rằng, có một thầy cúng nọ không biết chữ Hán. Mỗi khi "hành nghề" ông chỉ đọc thuộc một bài văn tế có sẵn với sự thay đổi tên gọi của người chết và khở chủ. Có lần, để ghi nhớ tên của người chết là *Nguyễn Văn Tròn*, ông ta dùng bút vẽ vòng tròn nhỏ (○) vào bài văn tế. Có người biết chuyện đó đã nhân lúc ông sơ ý, bí mật vẽ thêm một đường thẳng xuyên qua vòng tròn và kéo dài ra một chút (∅). Tới lúc cúng, thầy cúng căn cứ vào hình vẽ đọc tên người chết là *Nguyễn Văn Gáo*. Khở chủ thắc mắc: Tại sao cha tôi tên Tròn, thầy lại cúng ông Gáo nào vậy? Thầy cúng chỉ biết làu bàu: Tiên sư đứa nào lại tra cán vào thế này kia chứ!
10. Thông tin từ cuộc trao đổi với GS. Trần Quốc Vượng tại Đại học Đà Lạt tháng 8/1997.